| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHƯ PĂH**<br>-TỈNH GIA LAI | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 11/2019/DS - ST
Ngày: 22/11/2019.
"*V/v: Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền nợ mua phân bón"*

**NHÂN DANH**
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

**Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảo.
- Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Nguyễn Thị Tuyết;
+ Ông Trịnh Văn Nguyên
- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thuận – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện Chư Păh tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Minh Diệp- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Ngày 22 tháng 11 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 21/2019/TLST – DS ngày 03/6/2019, về việc: ***"Tranh chấp tiền nợ mua phân bón"***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-DS, ngày 09/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-DS ngày 28/10/2019, giữa:

-*Nguyên đơn*: Bà Đinh Thị N, sinh năm 1960.(có mặt)
Địa chỉ: Thôn 3, xã Ia Nhin, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.
-*Bị đơn*: Ông Trần Văn T, sinh năm 1982. (*vắng mặt*)
Bà Trần Hồng S, sinh năm 1982 (*vắng mặt*)
Cùng địa chỉ: Thôn Ia Sik, xã Ia Nhin, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện ngày 30/5/2019, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, bà Đinh Thị N trình bày:*

Tôi là chủ hộ kinh doanh phân bón, từ năm 2013, vợ chồng ông Trần Văn T và bà Trần Hồng S mua phân bón của tôi nhiều lần, mỗi lần mua nợ chưa có tiền trả thì tôi ghi số tiền vào sổ và anh T hoặc chị S ký xác nhận. Đến ngày 16/9/2017,

anh T và chị S còn nợ tiền mua phân bón của tôi là 50.300.000 đồng, tôi đã nhiều lần đến nhà đòi Nng anh T, chị S cứ hẹn không chịu trả. Vì vậy, tôi khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc anh Trần Văn T và chị Trần Hồng S phải trả số tiền mà hai bên đã chốt nợ ngày 16/9/2017 là 50.300.000 đồng và lãi chậm trả tính đến ngày khởi kiện là 10.060.000 đồng.

Tại phiên tòa, tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn về tiền nợ 50.300.000 đồng, và chỉ yêu cầu ông T bà S về lãi suất chậm trả tính đến ngày xét xử là: 9.700.000 đồng; Tổng cộng cả gốc và lãi là: 60.000.000 đồng.

-Đối bị đơn anh Trần Văn T trình bày trong bản tự khai: Anh T công nhận còn nợ bà N số tiền 50.300.000 đồng là tiền anh và vợ là chị S đã mua phân bón của bà N. Còn về số tiền lãi thì anh T đề nghị bà N giảm cho vì khi mua phân bón nợ thì bà N đã tính lãi trong đó rồi.

- Đối với bị đơn chị Trần Hồng S: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng theo quy định Nng bị đơn không có mặt ở nhà, người nhà vắng mặt. Tòa án đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật Nng bị đơn không đến Tòa án và cũng không trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án. Bị đơn đều vắng mặt nên không thể T hành hòa giải để hai bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

**Ý kiến, quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh về quá trình giải quyết vụ án**:

I. VIỆC TUÂN THEO PHÁP LUẬT TỐ TỤNG

**1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

***- Về thẩm quyền giải quyết:*** TAND huyện Chư Păh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS 2015.

***- Về xác định quan hệ tranh chấp:*** Nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T, bà S phải trả số tiền còn nợ là 60.360.000đ tiền mua phân bón từ năm 2013 đến năm 2017. Do đó, việc Tòa án xác định tranh chấp trong vụ án này là "*Tranh chấp nợ tiền mua phân bón*" là phù hợp.

***- Về xác định tư cách tham gia tố tụng:*** TAND huyện Chư Păh đã xác định tư cách tham gia tố tụng của nguyên đơn, bị đơn đúng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 68 BLTTDS 2015.

***- Về quá trình thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh:***

TAND huyện Chư Păh đã thụ lý đơn đúng theo quy định tại Điều 191, 195, 196 BLTTDS năm 2015; mức tạm ứng án phí đúng theo quy định NQ 326/2016/UBTVQH14.

***- Về hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ:*** TAND huyện Chư Păh đã T hành hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo quy định tại các Điều 207, 208, 209, 210, 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

***- Về cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng:*** Việc TAND huyện Chư Păh tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự là phù hợp với quy định tại Chương X và các Điều 196, 208, 220 BLTTDS năm 2015.

***- Về việc xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án:*** TAND huyện Chư Păh đã T hành xác minh nơi cư trú của đương sự, đây là một trong các biện pháp thu thập chứng cứ của Tòa án theo quy định tại Khoản 2 Điều 97 BLTTDS năm 2015.

**** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:***

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

**2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

+ Nguyên đơn đã chấp hành đúng, Còn bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

## II. Ý KIẾN VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

Việc ông T và bà S mua nợ phân bón của bà N từ năm 2013 đến năm 2017 là có thật. Tại bản tự khai ngày 06/6/2019 của ông T. Ông T thừa nhận từ năm 2013 đến năm 2017, vợ chồng ông có nhiều lần mua nợ phân bón tại cửa hàng của bà N với tổng số tiền nợ là 50.300.000đ. N vậy, việc bà N khởi kiện yêu cầu ông T và bà S trả số tiền nợ phân bón 50.300.000đ là hoàn toàn có căn cứ. Tuy nhiên, trong lời khai cung cấp cho Tòa án, ông T không đồng ý với số tiền lãi 10.060.000đ mà bà N đưa ra, ông yêu cầu giảm lãi suất nói trên vì khi ghi nợ tiền phân bón, bà N đã tính lãi vào số tiền nợ trên, yêu cầu này của ông T là không có căn cứ vì ông T không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào chứng minh cho việc bà N đã tính lãi trong số tiền khi mua phân của bà N.

Tại phiên toà hôm nay, bà N đề nghị thay đổi phần tính lãi: tại đơn khởi kiện, bà yêu cầu anh T, chị S trả 10.060.000đ Nng nay bà yêu cầu 9.700.000đ tiền lãi chậm trả (tính đến ngày xét xử). Tổng cộng: 60.000.000đ (tiền gốc: 50.300.000đ; tiền lãi chậm trả: 9.700.000đ)

Xét thấy thay đổi về phần tính lãi nêu trên của bà N không làm bất lợi cho bị đơn, không trái với quy định của pháp luật. Vì vậy, đề nghị HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên, căn cứ Điều 688, 357, 430, 434, 440 BLDS 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 60.000.000đ (đến ngày xét xử), trong đó nợ gốc là 50.300.000đ và lãi chậm trả là 9.700.000đ.

***Về án phí**: Áp dụng Khoản 1 Điều 147 BLTTDS 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị HĐXX tuyên buộc ông T, bà S phải chịu toàn bộ án phí Dân sự sơ thẩm. Bà N không phải chịu án phí, trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

**[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng**: Theo giấy ghi nợ tiền mua phân bón nhiều lần từ ngày 04/02/2013 đến ngày 16/9/2017, tổng cộng với số tiền 50.300.000đ, bên nhận nợ ký, một số lần ghi tên là T hoặc S. Từ đó cho đến nay bên nợ không trả tiền nên đại lý bán phân bón khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn phải trả số tiền nhận nợ và tiền lãi chậm trả tạm tính đến ngày nộp đơn khởi kiện là 10.060.000 đồng. HĐXX xác định quan hệ tranh chấp giữa hai bên là "*Tranh chấp nghĩa vụ trả tiền nợ mua phân bón* ". Giao dịch mua bán được xác lập trước ngày Bộ Luật dân sự năm 2015 có hiệu lực và kéo dài đến năm 2017, có nội dung, hình thức phù hợp với quy định Bộ Luật dân sự năm 2015. Căn cứ quy định tại Điều 688, áp dụng Điều 430, Điều 434, Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015. Bị đơn cư trú, sinh sống tại huyện Chư Păh. Theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 và Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Chư Păh. Hình thức, nội dung khởi kiện phù hợp theo quy định nên đơn khởi kiện của bà Đinh Thị N được Tòa án chấp nhận.

Đối với bị đơn chị Trần Hồng S, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng bị đơn không đến Tòa án để trình bày ý kiến bảo vệ quyền lợi cho mình. Anh T và chị S không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nên không thể tiến hành hòa giải để hai bên thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án. Trong vụ án không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX T hành xét xử vắng mặt bị đơn.

**[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:** Xét yêu cầu của nguyên đơn.

Theo giấy ghi nợ tiền mua phân bón nhiều lần từ ngày 04/02/2013 đến ngày 16/9/2017, tổng cộng với số tiền 50.300.000đ, bên nhận nợ ký, một số lần ghi tên là T và một số lần tên S. Căn cứ theo chữ ký nhận nợ nguyên đơn yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tòa án đã tống đạt Thông báo Thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bị đơn không có ý kiến phản đối gì, anh T thừa nhận số tiền nợ trên là do vợ chồng anh mua phân bón của bà N. Vì vậy, các giao dịch mua bán phân bón và số tiền nợ giữa anh T, chị S với bà N được công nhận.

*Về lãi suất*: Tại phiên tòa, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi suất từ ngày 17/9/2017 đến ngày xét xử (22/11/2019) là 9.700.000 đồng. Yêu cầu trả lãi này thấp hơn quy định pháp luật, không làm bất lợi cho bị đơn, không vi phạm pháp luật nên được chấp nhận.

Căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ Luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Trần Văn T và chị Trần Hồng S phải trả cho bà Đinh Thị N số tiền 50.300.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 17/9/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm (22/11/2019) là 9.700.000 đồng, tổng cộng 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Trần Văn T và chị Trần Hồng S phải chịu án phí của số tiền 60.000.000 đồng (60.000.000đ x 5% = 3.000.000đ) theo quy định pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 26, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án;

Căn cứ các **Điều 430, Điều 434, Điều 440 và Điều 688** của Bộ luật dân sự năm 2015;

**Tuyên xử:**

**1.** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị N.

Buộc anh Trần Văn T và chị Trần Hồng S phải trả cho bà Đinh Thị N số tiền nợ gốc 50.300.000đ và lãi 9.700.000 đồng, tổng cộng số tiền 60.000.000 đồng (*sáu mươi triệu đồng*).

*Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.*

**2.Về tiền án phí**: Buộc bị đơn anh Trần Văn T và chị Trần Hồng S phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 3.000.000 đồng (*ba triệu đồng*).

Hoàn trả lại cho bà Đinh Thị N số tiền: 1.509.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002670 ngày 03/06/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

**3.** Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TỌA**

**Nơi nhận:**
*-Tòa án tỉnh Gia Lai;*
*-VKSND huyện ChưPăh;*
*-Thi hành án DS Chư Păh;*
*-Các đương sự;*
*-Lưu HSVA.*

**Nguyễn Văn Bảo**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**